

UBND TỈNH KON TUM  
**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BQLKKT-VP  
Về việc báo cáo đánh giá công tác  
phòng chống tham nhũng năm 2020

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi: Thanh tra tỉnh

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh nhận được Công văn số 596/TTr-NV3, ngày 04/8/2021 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 theo Bộ Chỉ số của Thanh tra Chính phủ. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*BQLKKT tỉnh*) báo cáo như sau:

- Thực hiện Kế hoạch số 2452/KH-UBND, ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 trên địa bàn tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh đã có Báo cáo số 207/BC-BQLKKT, ngày 23/7/2021 về việc báo cáo kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*đã gửi Thanh tra tỉnh*).

- Bổ sung các Phụ lục thống kê: *Có các phụ lục 01, 02, 03 gửi kèm theo.*

- Tổng điểm đánh giá đạt: **86/89 điểm.**

- Tài liệu minh chứng được gửi vào hộp thư điện tử công vụ theo địa chỉ: [thanhtratinh-kontum@chinhphu.vn](mailto:thanhtratinh-kontum@chinhphu.vn).

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh báo cáo Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo BQLKKT tỉnh;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP (Dao).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Vũ Mạnh Hải**

UBND TỈNH KON TUM  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

**PHỤ LỤC 1**  
**TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2020**  
**Đơn vị: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

\*

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
<b>TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)</b>	<b>100</b>		
<b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>	<b>20</b>		
<b>A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:</b>	<b>4</b>		<i>Không chấm điểm</i>
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	1		
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1		
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	1		
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1		
<b>A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4	
A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai		1	1
A.2.1.2 Kết quả thực hiện		3	3
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4	
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch		1	1
A.2.2.2 Kết quả thực hiện		3	3
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4	
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch		1	1
A.2.3.2 Kết quả thực hiện		3	3
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	2	2	

A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	1	1	
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	1	1	
A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	2	2	
<b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>	<b>35</b>		
<b>B.1 Công tác phòng ngừa TN trong Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	
B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	8	8	
<b>B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)</b>	<b>2</b>		<i>Không chấm điểm</i>
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)	6	6	
B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XDLI	3	3	
B.1.4.2 Kết quả giải quyết XDLI	3	0	
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	0		
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	6	6	
B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện	2	2	
B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu	2	2	
B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN	2	2	
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP (Chỉ thị 10)	6	6	
B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020	1	1	
B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người	2	2	
B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	3	
<b>B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN</b>	<b>5</b>		
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1		
B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1		<i>Không chấm điểm</i>
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1		
B.2.4 Kết quả kiểm soát XDLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1		
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong	1		

doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN			
<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	
<b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	4	
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	4	
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	4	
<b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân	5	5	
<i>C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức</i>		2.5	2.5
<i>C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân</i>		2.5	2.5
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5	7.5	
<i>C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra</i>		2.5	2.5
<i>C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố</i>		2.5	2.5
<i>C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử</i>		2.5	2.5
C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5	7.5	
<i>C.2.3.1 Hình thức khiển trách</i>		2.5	2.5
<i>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</i>		2.5	2.5
<i>C.2.3.3 Hình thức cách chức</i>		2.5	2.5
<b>C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
<b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	5	5	
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	5	5	

**Lưu ý:**

1. Không làm tròn số điểm và lấy 2 số thập phân; thống nhất chỉ sử dụng dấu chấm (.) khi chấm điểm.
2. Thang điểm để đánh giá và so sánh kết quả thực hiện của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố còn lại là **89 điểm**. Lý do: Thang điểm Bộ chỉ số đánh giá là 100 điểm tuy nhiên trong đó có 11 điểm thuộc đánh giá của cấp tỉnh (tại mục A.1 là 4 điểm, B.1.2 là 2 điểm, mục B.2 là 5 điểm). Như vậy số điểm tuyệt đối của đơn vị có thể đạt được là 89 điểm.
3. Khi chấm điểm theo từng mục tại phụ lục đơn vị phải kèm theo tài liệu chứng minh. Đối với nội dung nào không thực hiện hoặc không có phát hiện thì mục đó của đơn vị **coi như không có điểm**.

UBND TỈNH KON TUM  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

**PHỤ LỤC 2**  
**THUYẾT MINH TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2020**  
**Đơn vị: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

\*

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG
<b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>	<b>20</b>			
<b>A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:</b>	<b>4</b>			
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	1	<i>Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm</i>		<i>(Liệt kê các văn bản do UBND tỉnh ban hành chỉ đạo hoặc Kế hoạch triển khai thực hiện). (Đối với phụ lục 2 này tất cả nội dung tại mục A.1 đơn vị, địa phương không cần đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu. Vì nội dung này thuộc đánh giá, chấm điểm của tỉnh)</i>
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	<i>Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm</i>		
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.	1	<i>Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm</i>		
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	<i>Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm</i>		
<b>A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:</b>	<b>16</b>		<b>16</b>	
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4		4	
A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	1	<i>(Số sở, ngành, huyện ban hành Kế hoạch, Văn bản triển khai/Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh x 1</i>	1	<i>(Liệt kê các kế hoạch, văn bản của sở, ngành, huyện ban hành năm 2020 về xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN).</i>  <i>- Kế hoạch 25/KH-BQLKKT, ngày 20/03/2019 về triển khai thi hành Luật phòng, chống tham nhũng.</i> <i>- Kế hoạch số 84/KH-BQLKKT,</i>

			<p>ngày 27/12/2019 về triển khai công tác pháp chế và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.</p> <p>- Kế hoạch số 08/KH-BQLKKT, ngày 21/01/2020 về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020.</p> <p>- Kế hoạch số 81/KH-BQLKKT, ngày 01/12/2020 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và QLNN theo thẩm quyền tại các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh.</p>
A.2.1.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện báo cáo tổng kết, sơ kết/Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	<p><i>(Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết của sở, ngành, huyện thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN năm 2020).</i></p> <p>- Báo cáo số 271/BC-BQLKKT, ngày 30/10/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Phòng, chống tham nhũng.</p> <p>- Báo cáo số 329/BC- BQLKKT, ngày 25/11/2020 về việc báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020.</p> <p>- Văn bản số 07/BQLKKT-VP, ngày 07/01/2020 về việc tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch của</p>

				<p>UBND tỉnh về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.</p> <p>- Văn bản số 813/BQLKKT-VP về việc tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Văn bản số 1026/BQLKKT-VP, ngày 28/12/2020 về việc tham gia ý kiến dự thảo Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		4	
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành Kế hoạch, Văn bản triển khai/Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh x 1	1	<p><i>(Liệt kê các kế hoạch, văn bản của sở, ngành, huyện ban hành năm 2020 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN).</i></p> <p>- Kế hoạch số 84/KH-BQLKKT, ngày 27/12/2019 về triển khai công tác pháp chế và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.</p>

A.2.2.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện báo cáo tổng kết, sơ kết/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	3	<p>(Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết của sở, ngành, huyện thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2020).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 271/BC-BQLKKT, ngày 30/10/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Báo cáo số 324/BC-BQLKKT, ngày 17/12/2019 về báo cáo kết quả rà soát các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi QLNN của BQLKKT tỉnh.</li> <li>- Văn bản số 992/BQLKKT-VP, ngày 18/12/2020 về việc rà soát, xác định hiệu lực pháp lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi QLNN của BQLKKT tỉnh.</li> </ul>
A 2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN	4		4	
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	1	<p>(Liệt kê các kế hoạch, văn bản của sở, ngành, huyện ban hành năm 2020 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 65/KH-BQLKKT, ngày 23/9/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021”.</li> <li>- Kế hoạch số 74/KH-BQLKKT,</li> </ul>



			<p>ngày 23/10/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2019-2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 15/KH-BQLKKT, ngày 07/02/2020 về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020 tại BQLKKT tỉnh.</li> <li>- Văn bản số 86/BQLKKT-VP, ngày 11/2/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 269/BQLKKT-VP, ngày 08/4/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 527/BQLKKT-VP, ngày 22/7/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 747/BQLKKT-VP, ngày 06/10/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý IV năm 2020.</li> </ul>
A.2.3.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện báo cáo tổng kết, sơ kết/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	<p><i>(Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết của sở, ngành, huyện thực hiện về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2020).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 295/BC-BQLKKT, ngày 20/11/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-</li> </ul>

				<p>2021” trong năm 2019-2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 134/BC-BQLKKT, ngày 28/5/2020 về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 704/BQLKKT-VP, ngày 18/9/2020 về việc báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Báo cáo số 294/BC-BQLKKT, ngày 29/10/2020 về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 767/BQLKKT-VP, ngày 12/10/2020 về kết quả tự đánh giá, chấm điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản 969/BQLKKT-VP, ngày 11/12/2020 về việc báo cáo tình hình thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2020.</li> </ul>
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	2		2	
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số số, ngành, huyện ban hành KH, VB kiểm tra, theo dõi/ Tổng số số, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	1	<p><i>(Liệt kê các kế hoạch, văn bản của sở, ngành, huyện ban hành năm 2020 về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 19/KH-BQLKKT ngày 19/02/2020 về theo dõi tình</li> </ul>

			<p>hình thi hành pháp luật năm 2020.</p> <p><i>(Liệt kê các báo cáo tổng kết, sơ kết của sở, ngành, huyện thực hiện về kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN năm 2020).</i></p> <p>- Văn bản số 571/BQLKKT-VP, ngày 04/8/2020 về việc báo cáo tình hình thi hành pháp luật về thanh tra năm 2020.</p> <p>- Báo cáo số 329/BC- BQLKKT, ngày 25/11/2020 về việc báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020.</p> <p>- Báo cáo số 47/BC-BQLKKT, ngày 25/2/2021 về tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (từ ngày 01/6/2009 đến ngày 01/6/2020)</p>
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	1	<i>(Số sở, ngành, huyện tổng hợp, báo cáo/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1</i>	1
A.2.5 Việc tiếp công dân của Thủ trưởng đơn vị	2	<i>Giám đốc, Chủ tịch UBND tiếp công dân tối thiểu mỗi tháng 1 lần, mỗi lần đạt 0.16 điểm.</i>	2
			<p><i>(Liệt kê các Văn bản: Biên bản tiếp dân của Giám đốc, Chủ tịch UBND; Văn bản của Giám đốc, Chủ tịch UBND giải quyết, xử lý các phản ánh sau khi tiếp dân).</i></p> <p>Trong năm 2020, không có công dân đến phản ánh, kiến nghị trực tiếp, BQLKKT tỉnh phối hợp với các cấp, ngành giải quyết các phản ánh, kiến nghị khi được các cơ quan chức năng chuyển đến hoặc theo yêu cầu, đề nghị phối hợp của các ngành chức năng.</p>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản số 33/BQLKKT-XDTNMT, ngày 14/01/2020 về việc chuyển đơn kiến nghị của công dân.</li> <li>+ Văn bản số 81/BQLKKT-XDTNMT, ngày 10/2/2020 về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân (Phùng Thị Mai).</li> <li>+ Văn bản số 98/BQLKKT-XDTNMT, ngày 14/2/2021 về việc giải quyết Đơn kiến nghị của bà Phùng Thị Bình.</li> <li>+ Văn bản số 223/BQLKKT-QLXDTNMT, ngày 27/3/2020 về việc trả lại Đơn kiến nghị của bà Phùng Thị Bình.</li> <li>+ Văn bản số 378/BQLKKT-QLXDTNMT, ngày 19/5/2020 về việc chuyển đơn kiến nghị của công dân.</li> <li>+ Biên bản họp liên ngành tham mưu giải quyết Đơn kiến nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai;</li> <li>+ Văn bản số 736/BQLKKT-QLĐT, ngày 30/9/2020 về tham mưu giải quyết Đơn kiến nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai.</li> </ul>
<b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>	<b>35</b>	<b>CÁCH TÍNH ĐIỂM</b>		
<b>B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>	<b>30</b>		<b>25</b>	
B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018, cụ thể: 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy	8	Mỗi sở, ngành, huyện công khai thiếu 1 nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018 bị trừ 0.2	8	(Liệt kê các sở, ngành, huyện thực hiện công khai đầy đủ theo quy định; Liệt kê các sở, ngành, huyện

<p>định của pháp luật về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</p> <p>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.</p>		điểm		<p><i>công khai thiếu nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018 bị trừ 0.2 điểm).</i></p> <p>- BQLKKT tỉnh thực hiện công khai đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật PCTN.</p>
<p><b>B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)</b></p>	2	<p><i>Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2020). (Điểm PAR của UBND tỉnh năm 2020) x 2/100%</i></p>		<p><i>(Đối với phụ lục 2 này nội dung tại mục B.1.2 đơn vị, địa phương không cần đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu. Vì nội dung này thuộc đánh giá, chấm điểm của tỉnh).</i></p>
<p>B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn</p>	2	<p><i>(Số sở, ngành, huyện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC/Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 2</i></p>	2	<p><i>(Liệt kê các sở, ngành, huyện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC trong năm 2020).</i></p> <p>- Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT ngày 07/01/2020 và Quyết định số 177/QĐ-BQLKKT ngày 30/12/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ của BQLKKT tỉnh.</p>
<p>B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích</p>	6		3	
<p><i>B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI</i></p>	3	<p><i>(Số sở, ngành, huyện tổ chức rà</i></p>	3	<p><i>(Liệt kê các sở, ngành, huyện tổ</i></p>

		soát Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3		chức rà soát XDLI năm 2020).  - Năm 2020 tại BQLKKT tỉnh không có các vụ việc XDLI
B.1.4.2 Kết quả giải quyết XDLI	3	Giải quyết một vụ: Được tính 1 điểm Giải quyết hai vụ: Được tính 2 điểm Giải quyết từ ba vụ trở lên: Được tính 3 điểm.	0	(Liệt kê các vụ việc XDLI đã được giải quyết năm 2020).  - Năm 2020 tại BQLKKT tỉnh không có các vụ việc XDLI
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	0	Lý do: Năm 2020, chưa ban hành đầy đủ các văn bản quy định về chuyển đổi vị trí công tác của CB CC VC.		
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	6		6	
B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện	2	Đơn vị có ban hành Kế hoạch thực hiện: 2 điểm.	2	(Liệt kê các văn bản do Sở, ngành, UBND huyện, thành phố ban hành: Kế hoạch thực hiện kiểm soát TSTN; Báo cáo kết quả thực hiện).  - Văn bản số 97/BQLKKT-VP, ngày 02/2/2021 về triển khai thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 44/QĐ-BQLKKT, ngày 17/2/2021 và Quyết định số 50/QĐ-BQLKKT, ngày 01/3/2021 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020. - Báo cáo số 83/BC-BQLKKT,

				ngày 08/4/2021 về Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập - Báo cáo số 94/BC-BQLKKT, ngày 20/4/2021 về báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản” năm 2020.
B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu	2	(Số người KK/Tổng số người phải KK) x 2	2	50/50
B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN	2	(Số bản đã CK/Tổng số BKK) x 2	2	50/50
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP (Chỉ thị 10)	6		6	
B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020	1	Đơn vị có ban hành KH thực hiện Chỉ thị 10 năm 2020: 1 điểm	1	(Liệt kê văn bản do đơn vị ban hành).  - Kế hoạch số 81/KH-BQLKKT, ngày 01/12/2020 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và quản lý nhà nước theo thẩm quyền tại các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh
B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp	2	(Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được xử lý Tổng số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã tiếp nhận) x 2	2	(Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện Chỉ thị 10 của đơn vị trong năm 2020).  - Năm 2020 không có kiến nghị

B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	(Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm) x 3.0	3	của người dân, doanh nghiệp
<b>B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</b> Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.	5			(Đối với phụ lục 2 này tất cả nội dung tại mục B.2 đơn vị, địa phương không cần đánh giá, chấm điểm, cung cấp tài liệu. Vì nội dung này thuộc đánh giá và tài liệu của tỉnh).
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	UBND tỉnh có VB hướng dẫn thực hiện: 1 điểm		(Liệt kê văn bản do UBND tỉnh ban hành)
B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có xây dựng, thực hiện QTUX, cơ chế kiểm tra nội bộ/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1		(Lập Phụ lục B.2: Danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN; Danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN đã thực hiện các tiêu chí: B.2.2; Danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN đã thực hiện các tiêu chí: B.2.3; Danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN đã thực hiện các tiêu chí: B.2.4; Danh mục các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN đã thực hiện các tiêu chí: B.2.5)
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1		
B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có kiểm soát XĐLI, cơ chế kiểm tra nội bộ/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1		
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có quy định chế độ trách nhiệm của người đứng đầu/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1		
<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>	<b>35</b>	<b>CÁCH TÍNH ĐIỂM</b>	<b>35</b>	
<b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>	<b>12</b>		<b>12</b>	
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	{(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/Tổng số cuộc giám sát	4	(Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN; Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN; Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát



	<p>thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện TN/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)}x4</p>	<p><i>phát hiện hành vi có dấu hiệu TN; Báo cáo kết quả giám sát năm 2020; Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2020).</i></p> <p>- Năm 2020 không phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và công tác tự kiểm tra tại cơ quan.</p> <p>+ Báo cáo số 73/BC-BQLKKT, ngày 20/3/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp quý I năm 2020</p> <p>+ Báo cáo số 161/BC-BQLKKT, ngày 16/6/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp 6 tháng đầu năm 2020</p> <p>+ Báo cáo số 257/BC-BQLKKT, ngày 08/9/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp quý III năm 2020</p> <p>+ Báo cáo số 334/BC-BQLKKT, ngày 04/12/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp năm 2020.</p> <p>+ Báo cáo số 10-BC/ĐU, ngày 29/5/2020 về kết quả tự kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng</p>
--	--	---

				“về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” gắn với kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	{(Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh)}x4	4	<p><i>(Liệt kê cụ thể các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN; Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN; Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2020).</i></p> <p>Năm 2020 không có phản ánh, tố cáo, do vậy không phát hiện các hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.</p> <p>+ Văn bản số 363/BQLKKT-VP, ngày 07/6/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp.</p> <p>+ Báo cáo số 37/BC-BQLKKT, ngày 18/2/2021 về kết quả rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.</p>
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	{(Số vụ án TN được khởi tố/ Tổng số vụ việc liên quan TN (tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố)) + (Số vụ án QĐ truy tố TN/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố liên quan TN) + (Số vụ án TN đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan TN)}x4	4	<p><i>(Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020).</i></p> <p>- Năm 2020 không phát hiện các hành vi tham nhũng qua điều tra truy tố, xét xử.</p>
<b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>	<b>20</b>		<b>20</b>	
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do đề xảy	5		5	

ra tham nhũng				
C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng	2.5	(Số tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN/ Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng) x 2.5	2.5	(Liệt kê các tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN; Liệt kê Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng).  - Năm 2020 không có tổ chức bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng
C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2.5	(Số người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính/ Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện) x 2.5	2.5	(Liệt kê danh sách người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính; Liệt kê Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện).  - Năm 2020 không có cá nhân bị kỷ luật vì có hành vi tham nhũng
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5		7.5	
C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra	2.5	(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN /Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan TN) x 2.5	2.5	(Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020).
C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố	2.5	(Số người do Viện KS truy tố về hành vi TN/ Tổng số người có hành vi TN bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN) x 2.5	2.5	- Năm 2020 không có trường hợp nào bị xử lý hình sự vì có hành vi tham nhũng
C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử	2.5	(Số người do Tòa án kết án tội phạm TN/ Tổng số người do Viện KS truy tố về hành vi TN) x 2.5	2.5	
C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5		7.5	(Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý

				<p><i>kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng).</i></p> <p>- Năm 2020 không có trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng bị xử lý trách nhiệm</p>
<p><b>C.2.3.1 Hình thức khiển trách</b>          Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</p>	2.5	<p>(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5</p> <p>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.</p>	2.5	<p><i>(Liệt kê số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Liệt kê Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng).</i></p>
<p><b>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</b>          Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm )</p>	2.5	<p>(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5</p> <p>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.</p>	2.5	<p>- Năm 2020 không có trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng bị xử lý trách nhiệm</p>
<p><b>C.2.3.3 Hình thức cách chức</b>          Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</p>	2.5	<p>(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5</p> <p>Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.</p>	2.5	

<b>C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng</b>	<b>3</b>	<i>(Số lượng tiền, tài sản TN được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện TN) x 3</i>	<b>3</b>	- Không
<b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>	<b>10</b>	<b>CÁCH TÍNH ĐIỂM</b>	<b>10</b>	
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	5	<i>(Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính) x 5</i>	5	<i>(Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp hành chính theo từng vụ việc; Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính).</i>  - Không
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	5	<i>(Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) bởi cơ quan thi hành án) x 5</i>	5	<i>(Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp tư pháp theo từng vụ việc; Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp tư pháp).</i>  - Không

**Ghi chú:**

1. Thang điểm để đánh giá và so sánh kết quả thực hiện của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố còn lại là **89 điểm**. Lý do: Thang điểm Bộ chỉ số đánh giá là 100 điểm tuy nhiên trong đó có 11 điểm thuộc đánh giá của cấp tỉnh (tại mục A.1 là 4 điểm, B.1.2 là 2 điểm, mục B.2 là 5 điểm). Như vậy số điểm tuyệt đối của đơn vị có thể đạt được là 89 điểm.

2. Khi chấm điểm theo từng mục tại phụ lục đơn vị phải kèm theo tài liệu chứng minh. Đối với nội dung nào không thực hiện hoặc không có phát hiện thì mục đó của đơn vị **coi như không có điểm**.

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN 2020**  
**Đơn vị: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

\*

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Số, ban ngành, UBND huyện, thành phố ghi rõ tên nội dung, ngày tháng ban hành các văn bản chỉ đạo, báo cáo theo các mục tương ứng bên cột trái để minh chứng những việc đã triển khai trong công tác PCTN tại đơn vị, địa phương mình)	Ghi chú
<b>A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:</b>		
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN		
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.		
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
<b>A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:</b>		
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN		
A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch 25/KH-BQLKKT, ngày 20/03/2019 về triển khai thi hành Luật phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Kế hoạch số 08/KH-BQLKKT, ngày 21/01/2020 về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020.</li> <li>- Kế hoạch số 84/KH-BQLKKT, ngày 27/12/2019 về triển khai công tác pháp chế và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.</li> <li>- Kế hoạch số 81/KH-BQLKKT, ngày 01/12/2020 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và QLNN theo thẩm quyền tại các KCN, KKT</li> </ul>	

	trên địa bàn tỉnh.	
A.2.1.2 Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 271/BC-BQLKKT, ngày 30/10/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Báo cáo số 329/BC- BQLKKT, ngày 25/11/2020 về việc báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 07/BQLKKT-VP, ngày 07/01/2020 về việc tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 813/BQLKKT-VP về việc tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Văn bản số 1026/BQLKKT-VP, ngày 28/12/2020 về việc tham gia ý kiến dự thảo Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum</li> </ul>	
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 84/KH-BQLKKT, ngày 27/12/2019 về triển khai công tác pháp chế và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.</li> </ul>	
A.2.2.2 Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 271/BC-BQLKKT, ngày 30/10/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Báo cáo số 324/BC-BQLKKT, ngày 17/12/2019 về báo cáo kết quả rà soát các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi QLNN của BQLKKT tỉnh.</li> <li>- Văn bản số 992/BQLKKT-VP, ngày 18/12/2020 về việc rà soát, xác định hiệu lực pháp lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc phạm vi QLNN của BQLKKT tỉnh.</li> </ul>	
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 65/KH-BQLKKT, ngày 23/9/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng,</li> </ul>	

	<p>chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 74/KH-BQLKKT, ngày 23/10/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2019-2020.</li> <li>- Kế hoạch số 15/KH-BQLKKT, ngày 07/02/2020 về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020 tại BQLKKT tỉnh.</li> <li>- Văn bản số 86/BQLKKT-VP, ngày 11/2/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý I năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 269/BQLKKT-VP, ngày 08/4/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý II năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 527/BQLKKT-VP, ngày 22/7/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý III năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 747/BQLKKT-VP, ngày 06/10/2020 về việc hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật Quý IV năm 2020.</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 704/BQLKKT-VP, ngày 18/9/2020 về việc báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</li> <li>- Báo cáo số 295/BC-BQLKKT, ngày 20/11/2019 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2019-2020.</li> <li>- Báo cáo số 134/BC-BQLKKT, ngày 28/5/2020 về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2020.</li> <li>Báo cáo số 294/BC-BQLKKT, ngày 29/10/2020 về kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản số 767/BQLKKT-VP, ngày 12/10/2020 về kết quả tự đánh giá, chấm điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020.</li> <li>- Văn bản 969/BQLKKT-VP, ngày 11/12/2020 về việc báo cáo tình hình thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021” trong năm 2020.</li> </ul>	
A.2.3.2 Kết quả thực hiện		
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 19/KH-BQLKKT ngày 19/02/2020 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2020</li> </ul>	
A.2.4.1 Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo số 329/BC- BQLKKT, ngày 25/11/2020 về việc báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020.</li> </ul>	



	<p>- Văn bản số 571/BQLKKT-VP, ngày 04/8/2020 về việc báo cáo tình hình thi hành pháp luật về thanh tra năm 2020.</p> <p>- Báo cáo số 47/BC-BQLKKT, ngày 25/2/2021 về tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (từ ngày 01/6/2009 đến ngày 01/6/2020)</p>	
A.2.5 Việc tiếp công dân của Thủ trưởng đơn vị	<p>- Trong năm 2020, không đó công dân đến phản ánh, kiến nghị trực tiếp, BQLKKT tỉnh phối hợp với các cấp, ngành giải quyết các phản ánh, kiến nghị khi được các cơ quan chức năng chuyển đến hoặc theo yêu cầu, đề nghị phối hợp của các ngành chức năng.</p> <p>+ Văn bản số 33/BQLKKT-XDTNMT, ngày 14/01/2020 về việc chuyển đơn kiến nghị của công dân.</p> <p>+ Văn bản số 81/BQLKKT-XDTNMT, ngày 10/2/2020 về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân (Phùng Thị Mai).</p> <p>+ Văn bản số 98/BQLKKT-XDTNMT, ngày 14/2/2021 về việc giải quyết Đơn kiến nghị của bà Phùng Thị Bình.</p> <p>+ Văn bản số 223/BQLKKT-QLXDTNMT, ngày 27/3/2020 về việc trả lại Đơn kiến nghị của bà Phùng Thị Bình.</p> <p>+ Văn bản số 378/BQLKKT-QLXDTNMT, ngày 19/5/2020 về việc chuyển đơn kiến nghị của công dân.</p> <p>+ Biên bản họp liên ngành tham mưu giải quyết Đơn kiến nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai;</p> <p>+ Văn bản số 736/BQLKKT-QLĐT, ngày 30/9/2020 về tham mưu giải quyết Đơn kiến nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai.</p>	
<b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
<b>B.1 Công tác phòng ngừa TN trong Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>		
<p>B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018, cụ thể:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</p> <p>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí</p>	<p>- Đã tổ chức công khai, minh bạch các nội dung theo quy định trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và công khai, minh bạch theo Luật Tiếp cận thông tin; duy trì “Mục công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra” của các ngành chức năng tại BQLKKT tỉnh, các văn bản xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị trong “Mục phổ biến pháp luật” trên Trang thông tin điện tử cơ quan (tại địa chỉ <a href="http://kkt.kontum.gov.vn">kkt.kontum.gov.vn</a>)</p>	

<p>huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</p> <p>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.</p>	<p>- Tổ chức công khai minh bạch việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách được giao hàng năm; mua sắm tài sản công; các dự án đầu tư công; quản lý nhà nước về đất đai; công tác tổ chức, cán bộ (quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ); các khoản hỗ trợ, viện trợ, huy động theo đúng quy định.</p> <p>- Thực hiện việc công khai số điện thoại, địa chỉ email của lãnh đạo BQLKKT tỉnh, lãnh đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc để tiếp nhận những ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng của CC, VC, LD theo quy định của Luật PCTN.</p>
<b>B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)</b>	<b>Không cung cấp tài liệu nội dung này, thuộc tài liệu của tỉnh</b>
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	- Quyết định số 04/QĐ-BQLKKT, ngày 07/01/2020 và Quyết định số 177/QĐ-BQLKKT, ngày 30/12/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ của BQLKKT tỉnh.
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích	
B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI	Năm 2020 tại BQLKKT tỉnh không có các vụ việc XĐLI
B.1.4.2 Kết quả giải quyết XĐLI	Năm 2020 tại BQLKKT tỉnh không có các vụ việc XĐLI
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	- Kế hoạch số 86/KH-BQLKKT, ngày 31/12/2019 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2020.
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	
B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện	- Văn bản số 97/BQLKKT-VP, ngày 02/2/2021 về triển khai thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ;
B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu	- Quyết định số 44/QĐ-BQLKKT, ngày 17/2/2021 và Quyết định số 50/QĐ-BQLKKT, ngày 01/3/2021 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020.
B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN	- Báo cáo số 83/BC-BQLKKT, ngày 08/4/2021 về Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập - Báo cáo số 94/BC-BQLKKT, ngày 20/4/2021 về báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản” năm 2020.
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	
B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020	- Kế hoạch số 81/KH-BQLKKT, ngày 01/12/2020 về việc tiếp tục

	<i>triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và quản lý nhà nước theo thẩm quyền tại các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh</i>	
<i>B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp</i>	<i>- Năm 2020 không có kiến nghị của doanh nghiệp</i>	
<i>B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	<i>- Không</i>	
<b>B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN</b> Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.	<i>(Đối với phụ lục 3 này tất cả nội dung tại mục B.2 đơn vị, địa phương không cần cung cấp tài liệu. Vì nội dung này thuộc đánh giá và tài liệu của tỉnh)</i>	
<i>B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</i>		
<i>B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</i>		
<i>B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</i>		
<i>B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</i>		
<i>B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN</i>		
<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>		
<b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>		
<i>C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.</i>	<i>Năm 2020 không phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và công tác tự kiểm tra tại cơ quan. + Báo cáo số 73/BC-BQLKKT, ngày 20/3/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp quý I năm 2020 + Báo cáo số 161/BC-BQLKKT, ngày 16/6/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp 6 tháng đầu năm 2020</i>	

	<p>+ Báo cáo số 257/BC-BQLKKT, ngày 08/9/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp quý III năm 2020</p> <p>+ Báo cáo số 334/BC-BQLKKT, ngày 04/12/2020 về kết quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp năm 2020.</p> <p>+ Báo cáo số 10-BC/ĐU, ngày 29/5/2020 về kết quả tự kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” gắn với kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p>	
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	Năm 2020 không có phản ánh, tố cáo, do vậy không phát hiện các hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo. + Văn bản số 363/BQLKKT-VP, ngày 07/6/2019 về việc báo cáo kết quả rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp + Báo cáo số 37/BC-BQLKKT, ngày 18/2/2021 về kết quả rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.	
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	- Không	
<b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>		
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân	- Không	
C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức	- Không	
C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân	- Không	
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	- Không	
C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra	- Không	
C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố	- Không	
C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử	- Không	
C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	- Không	
C.2.3.1 Hình thức khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)	- Không	

C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm )	- Không	
C.2.3.3 Hình thức cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 05 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)	- Không	
<b>C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng</b>	- Không	
<b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>		
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	- Không	
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	- Không	